

Bản án số: **136/2026/HS-PT**
Ngày: 15 - 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Phú**

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Trọng Danh**

Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Uyên** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2026/TLPT-HS ngày 03 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo **Nguyễn Văn C**, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 108/2025/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn C**, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1966; tại: **N, Quảng Nam** (cũ); chỗ ở hiện nay: **Thôn D, xã Đ, thành phố Đà Nẵng**; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 10/12; con ông **Nguyễn Đ** và bà **Huỳnh Thị H** (đều đã chết); vợ **Lữ Thị N** (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

+ Bà **Nguyễn Bách G**, sinh năm 1987 (con ruột của bị cáo). Có mặt.

+ Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1989 (con ruột của bị cáo). Có mặt.

Cùng địa chỉ: **thôn B, xã P, thành phố Đà Nẵng**.

- Người bào chữa cho bị cáo:

+ Ông **Đào Duy K**, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

+ Ông **Nguyễn Thanh C1**, có mặt.

+ Ông **Mai Hữu K1**, có mặt.

Đều là Luật sư Văn phòng luật sư **Đào Duy K** thuộc **Đoàn Luật sư thành phố Đ**; địa chỉ: **Thôn N, phường H, thành phố Đà Nẵng**.

- Bị đơn dân sự: **Ban Q** (nay là **Ban Q1**). Địa chỉ: **A H, phường T, thành phố Đà Nẵng**. Đại diện theo pháp luật: Ông Ông **Võ Hùng N1** – Giám đốc; đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Hữu P** – Phó Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 1975, Nguyễn Văn C cùng gia đình khai hoang sử dụng diện tích đất tại thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) đến năm 2010 được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1500, tờ bản đồ số 01, diện tích 43.438m² với mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ (diện tích Nguyễn Văn C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giáp ranh với khu vực khoảnh 9, tiểu khu E). Vào khoảng cuối năm 2022 đầu năm 2023, Nguyễn Văn C lợi dụng cây gỗ rừng tự nhiên tại khu vực khoảnh 9, tiểu khu E bị bão làm đổ gãy, C đã cho ông Hồ Xuân H1 và ông Nguyễn H2 (cùng trú thôn T, xã T, huyện N) khai thác cây rừng tự nhiên ở khu vực trên. Khi khai thác C nói với H1 và H2 là các ông được lấy phần ngọn của các cây gỗ rừng về làm củi, còn phần thân cây gỗ rừng thì để cho C về sửa chữa nhà. Vào khoảng đầu tháng 2 năm 2023, C dẫn H1 và H2 đến khu vực tại khoảnh 9, tiểu khu E thuộc thôn D, xã T, huyện N chỉ vị trí cho H1 và H2 khai thác, H1 và H2 dùng cưa máy cưa hạ 123 cây gỗ rừng tự nhiên. Sau khi cắt xong H1 và H2 vận chuyển khoảng 11m³ đến 12m³ (phần ngọn của các cây gỗ rừng) về chia đôi để sử dụng làm củi, phần còn lại 72 lóng gỗ tại hiện trường có khối lượng 11.203m³ để cho C vận chuyển về sửa chữa nhà nhưng chưa kịp vận chuyển thì bị Ban Q kiểm tra phát hiện lập biên bản.

Căn cứ Quyết định số: 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q (nay là Quyết định số: 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050) xác định diện tích 6.690m² bị khai thác trái phép tại khoảnh 9, tiểu khu E thuộc thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam là rừng tự nhiên có chức năng phòng hộ được giao cho Ban Q quản lý.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 34/2023/KLTS ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: tổng thiệt hại toàn bộ diện tích 6.690m² có giá trị thiệt hại là 50.510.556 đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 26/2024/KLTS ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: 11,203m³ gỗ thông thường có giá trị thiệt hại là 25.036.800 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số: 68/KLGD ngày 13/01/2025 của Trung tâm P1 giám định pháp y tâm thần đối với ông Nguyễn Văn C trong vụ án hủy hoại rừng tại tiểu khu E, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam xảy ra tại thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam kết luận:

* Trước thời điểm gây án

- Kết luận về y học: tâm thần phân liệt không thể biệt định, tiền truyền thuyên giảm không hoàn toàn (F20.23).

- Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

* Tại thời điểm gây án:

- Kết luận về y học: tâm thần phân liệt không thể biệt định, tiền truyền thuyên giảm không hoàn toàn (F20.23).

- Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

* Thời điểm hiện tại:

- Kết luận về y học: tâm thần phân liệt không thể biệt định, tiền truyền thuyên giảm không hoàn toàn (F20.23).

- Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 108/2025/HS-ST ngày 31/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn C** phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm i, s, q khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/01/2025, bị cáo **Nguyễn Văn C** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Tại phiên tòa, bị cáo khai kháng cáo về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Văn C** về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo nộp tài liệu chứng cứ mới gồm giấy xác nhận gia đình hoàn cảnh khó khăn, bệnh án tâm thần và nộp tiền khắc phục hậu quả số tiền 35.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn C**, giảm cho bị cáo 03 tháng tù.

Đối với phần trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chỉ buộc bị cáo bồi thường số tiền thiệt hại theo định giá ban đầu là 50.510.556 đồng, sửa lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* Luật sư **K** trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo nộp tài liệu chứng cứ mới gồm giấy xác nhận gia đình hoàn cảnh khó khăn, bệnh án tâm thần và nộp tiền khắc phục hậu quả số tiền 35.000.000 đồng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn C**, cho bị cáo được hưởng án treo.

* Luật sư **C1** thống nhất với ý kiến bào chữa của Luật sư **K**.

* Bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Nguyễn Văn C** có đơn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Nguyễn Văn C** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Khu rừng tại khoảnh 9, **tiểu khu E thuộc thôn D, xã**

T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) được Ủy ban nhân dân tỉnh Q quy hoạch là rừng phòng hộ do Ban Q (nay là Ban Q1) quản lý nhưng Nguyễn Văn C do có ý định lấy gỗ để sửa chữa nhà nên khoảng đầu tháng 2 năm 2023, đã cho ông Trần Xuân H3 và ông Nguyễn H2 dùng cưa lóc cưa hạ trái phép toàn bộ 123 cây gỗ rừng tự nhiên với khối lượng 11,203m³ gỗ thông thường trên diện tích 6.690m² rừng tự nhiên có chức năng phòng hộ.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2025/HS-ST ngày 31/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng đã kết án bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn C thì thấy:

- Về trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức hình phạt 09 tháng tù là có căn cứ pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo nộp tài liệu chứng cứ mới gồm giấy xác nhận gia đình hoàn cảnh khó khăn, bệnh án tâm thần và nộp tiền khắc phục hậu quả số tiền 35.000.000 đồng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt theo như đề nghị của Kiểm sát viên; không chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại văn bản giải thích của bà Lê Thị Thanh H4 – Nguyên là thành viên thường trực Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) thì: Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 34/2023/KLTS ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện N tổng thiệt hại toàn bộ diện tích 6.690m² có giá trị thiệt hại là 50.510.556 đồng đã bao gồm giá trị gỗ bị thiệt hại theo Bản kết luận định giá tài sản số: 26/2024/KLTS ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: 11,203m³ gỗ thông thường có giá trị thiệt hại là 25.036.800 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường 75.547.356 đồng (tổng 2 lần định giá nêu trên) là không đúng. Trong trường hợp này chỉ buộc bị cáo bồi thường số tiền 50.510.556 đồng, làm tròn 50.510.600 đồng mới đúng thực tế.

[4] Về án phí:

- Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa phần trách nhiệm dân sự nên hội đồng xét xử sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp, theo đó án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là: 2.525.530 đồng, làm tròn 2.525.500 đồng.

Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về xử lý vật chứng: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giao cho Ban Q1 quản lý đối với 11,203 m³ là chưa đúng quy định pháp luật mà cần phải tuyên rõ hơn là: Giao cho Ban Q1 quản lý và xử lý theo quy định pháp luật đối với 11,203 m³ gỗ (theo Biên bản về

Huỳnh Văn Phú

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng PV06 Công an thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Phú

